

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước
năm 2025 của phường Kiến An

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KIẾN AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân phường Kiến An dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách năm 2025 của phường Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân phường Kiến An về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trên địa bàn phường Kiến An sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của phường Kiến An (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phong Doanh

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)

(Kèm Quyết định số:514/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	330.681	TỔNG SỐ CHI	330.681
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	9.685	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	1.096	II. Chi thường xuyên	324.197
III. Thu bổ sung	319.900	III. Dự phòng	6.484
- Bổ sung cân đối	310.714		
- Bổ sung có mục tiêu	9.186		
IV. Thu chuyển nguồn			

PHÒNG

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)
(Kèm Quyết định số:514/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	346.315	330.681
I	Các khoản thu 100%	9.685	9.685
1	Phí, lệ phí	760	760
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.840	2.840
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.730	5.730
4	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	50	50
5	Thu khác	305	305
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	16.730	1.096
1	Các khoản thu phân chia	10.960	1.096
-	Thuế giá trị gia tăng	10.960	1.096
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.770	0
-	Thuế thu nhập cá nhân	5.770	0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	319.900	319.900
1	- Thu bổ sung cân đối	310.714	310.714
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	9.186	9.186

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)
(Kèm Quyết định số: 514/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI (SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM 10%)	330.681	0	330.681
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	159.427		159.427
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Chi an ninh, quốc phòng	8.559		8.559
3	Chi y tế, dân số và gia đình	19.301		19.301
4	Chi văn hóa thông tin	4.603		4.603
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.191		1.191
6	Chi thể dục thể thao	1.208		1.208
7	Chi bảo vệ môi trường	470		470
8	Chi các hoạt động kinh tế	18.831		18.831
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	77.063		77.063
10	Chi bảo đảm xã hội	32.042		32.042
11	Chi khác	1.502		1.502
12	Dự phòng ngân sách	6.484		6.484